TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẬP THẠCH** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2024/HS-ST
Ngày 29 - 8 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH, TỈNH VĨNH PHÚC

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Công Sinh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*Ông Nguyễn Trung Thành và ông Triệu Kiên Toàn.

***-Thư ký phiên toà*:** Bà Trần Thị Kim Dung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên toà*:** Ông Ngô Trường Út - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 55/2024/TLST-HS ngày 02 tháng 8 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2024/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 8 năm 2024 đối với các bị cáo:

1, Nguyễn Văn Q, sinh ngày 12/01/1993; nơi sinh và cư trú: Thôn P, xã L, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Tạ Thị H, sinh năm 1969; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/4/2024 đến nay hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Lập Thạch (có mặt).

2, Nguyễn Thành N, sinh ngày 21/4/1986; nơi sinh và cư trú: Thôn P, xã L, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Anh T (đã chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1952; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Tại bản án số 1136/ HSPT ngày 23/12/2012 Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội Đánh bạc. Ngày 23/7/2013 nộp xong án phí và tiền phạt. Ngày 23/11/2013 chấp hành xong thời gian thử thách, (đã được xóa án tích).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/4/2024 đến nay hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Lập Thạch (có mặt).

3, Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 15/7/1989; nơi sinh và cư trú: Thôn P, xã L,

huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1957 và bà Đặng Thị S, sinh năm 1957; vợ: Hà Thị L, sinh năm 1995, con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2014; con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 10/4/2024 đến nay hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Lập Thạch (có mặt).

4, Nguyễn Duy H, sinh ngày 01/11/1975; nơi sinh và cư trú: Thôn P, xã L, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam đã bị Đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 152/QĐ/UBKTHU ngày 02/8/2024 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy Lập Thach; con ông Nguyễn Anh T (đã chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1952; vợ: Hà Thị Y, sinh năm 1978, con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2000; con nhỏ sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại (có mặt).

-*Người bị hại:* Anh Vũ Quốc H, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn N, xã X, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc.

-*Người làm chứng*: Anh Đỗ Ngọc D, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 1, phường T, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

- *Những người được triệu tập đến phiên tòa:*

+ Bà Tạ Thị H, sinh năm 1969 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn P, xã L, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc.

+ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau

Trong khoảng thời gian từ tháng 7/2021 đến tháng 8/2021, Nguyễn Văn Q đã 02 lần sử dụng giấy tờ giả của cơ quan, tổ chức, trong đó 01 lần sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tháng 01/2022 Nguyễn Thành N đã 01 lần sử dụng giấy tờ giả của cơ quan, tổ chức; tháng 8/2021 Nguyễn Duy H đã 01 lần sử dụng giấy tờ giả của cơ quan, tổ chức; Nguyễn Văn Đ 01 lần làm giấy tờ giả của cơ quan, tổ chức cụ thể như sau:

Đầu tháng 7/2021 do có nhu cầu vay tiền để trả tiền công thợ xây nên Nguyễn Văn Q gặp Nguyễn Văn Đ hỏi xem có biết ai cho vay tiền không, Đ nói là biết nhưng phải có tài sản thế chấp. Sau đó Q lên mạng xã hội Facebook đặt mua 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và các tài sản

khác gắn liền đất giả số CQ 057174 thửa số 380, tờ bản đồ 61, diện tích 616,6m^2 mamg tên Nguyễn Văn Q. Sau khi mua được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả ngày 15/7/2021 Q nhờ Đ đưa đến nhà bà Nguyễn Thị L ở xã B hỏi vay 100.000.000 đồng và thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và các tài sản khác gắn liền đất giả số CQ 057174 thửa số 380, tờ bản đồ 61, diện tích 616,6m^2 mang tên Nguyễn Văn Q. Hai bên thỏa thuận lãi 12.000.000 đồng/1 tháng. Bà L đưa cho Q 87.000.000 đồng. Bà L đã trừ 12.000.000 đồng tiền lãi tháng đầu tiên và 1.000.000 đồng tiền phí làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Sau khi vay được tiền của Bà L, Q trả tiền công thợ xây. Hàng tháng Q trả tiền lãi cho Bà L, đến tháng 01/2022 do khó khăn về tài chính nên Q và Bà L thống nhất khi nào có tiền thì Q trả tiền gốc cho Bà L là 100.000.000 đồng và không phải trả lãi. Ngày 04/11/2022 Cơ quan điều tra phát hiện hành vi của bà Nguyễn Thị L cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Bà L đã nộp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả của Q thế chấp cho Bà L.

Đầu tháng 8/2021 Q tiếp tục lên mạng xã hội Facebook đặt mua 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và các tài sản khác gắn liền đất giả số CQ 057174 thửa số 380, tờ bản đồ 61, diện tích 616,6m^2 mang tên Nguyễn Văn Q. Sau khi mua được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả ngày 23/8/2021 Q mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả đến nhà anh Vũ Quốc H ở xã X, huyện Lập Thạch lừa bán đất cho anh H với giá 150.000.000 đồng. Q nói với anh H là thửa đất của mình. Anh H xem giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không biết là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nên đồng ý mua giá 150.000.000 đồng. Sau khi làm hợp đồng chuyển nhượng xong anh H trả cho Q 150.000.000 đồng. Ngày 05/02/2024 anh H biết giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Q là giả nên trình báo cơ quan Công an và nộp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và các tài sản khác gắn liền đất của Q.

Tháng 01/2022 do có nhu cầu vay tiền để trả lãi Ngân hàng và chi tiêu cá nhân nên Nguyễn Thành N gặp Nguyễn Văn Đ ở cùng thôn hỏi Đ có biết chỗ nào cho vay tiền. Đ nói biết nhưng phải có tài sản thế chấp. Sau đó N lên mạng xã hội Facebook đặt mua 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và các tài sản khác gắn liền đất giả số BK 054004, thửa số 163.1, tờ bản đồ 48, diện tích 885m^2 mang tên Nguyễn Thành N. Sau khi mua được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, đến ngày 20/01/2022, N nhờ Đ đưa đến nhà bà Nguyễn Thị L ở xã B hỏi vay 20.000.000 đồng và thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và các tài sản khác gắn liền đất giả số BK 054004, thửa số 163.1, tờ bản đồ 48, diện tích 885m^2 mang tên Nguyễn Thành N. Hai bên thỏa thuận lãi 4%/1 tháng là 800.000 đồng/1 tháng. Hàng tháng N

trả tiền lãi cho Bà L. Ngày 04/11/2022 Cơ quan điều tra phát hiện hành vi của bà Nguyễn Thị L cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Bà L đã nộp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả của N.

Đầu tháng 6/2021 do có nhu cầu vay tiền để trả nợ tiền công xây nhà nên Nguyễn Duy H gặp Nguyễn Văn Đ ở cùng thôn. H hỏi Đ biết ai cho vay tiền thì chỉ cho H, Đ nói là biết người cho vay tiền nhưng cần thế chấp bằng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. H nói với Đ là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của H đang thế chấp ở ngân hàng. Đ bảo H là đưa cho Đ bản photo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của H thì Đ sẽ làm giả cho H giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, H đồng ý và đưa cho Đ bản photo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của H. Sau đó, Đ lên mạng xã hội zalo mua 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK054053, thửa đất số 163, tờ bản đồ số 48; diện tích 472m^2 địa chỉ thôn P, xã L, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc mang tên Nguyễn Duy H. Khoảng một tuần sau, Đ nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả từ một người giao hàng (Đ không quen biết) và kiểm tra thông tin trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả đã đầy đủ nên thanh toán 2.500.000 đồng cho người giao hàng này, rồi mang về đưa cho H và H đã trả cho Đ 2.500.000 đồng tiền làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến ngày 16/8/2021, H đến nhà bà Nguyễn Thị L ở xã B, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, hỏi vay 100.000.000 đồng và có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thế chấp, do không biết là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nên Bà L đồng ý cho H vay 100.000.000 đồng. Sau khi vay tiền H đã sử dụng số tiền này để trả các khoản nợ làm nhà. Đến ngày 25/8/2021, H tiếp tục hỏi vay thêm của Bà L số tiền 50.000.000 đồng thì Bà L đồng ý. Tổng số tiền H vay của Bà L là 150.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất là 3%/01tháng, mỗi tháng H trả cho Bà L 5.000.000 đồng tiền lãi. Ngày 04/11/2022, Cơ quan điều tra phát hiện hành vi của bà Nguyễn Thị L cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Quá trình làm việc với Cơ quan điều tra thì Bà L đã giao nộp: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả của H thế chấp cho chị L. H đã trả cho Bà L đủ số tiền gốc vay 150.000.000 đồng và trả lãi theo thỏa thuận.

Vật chứng thu giữ: 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả số CQ 057174, thửa đất số 380, tờ bản đồ số 61; diện tích 616,6m^2 địa chỉ thửa đất thôn P, xã L, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc mang tên Nguyễn Văn Q; 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả số BK054004, thửa số 163.1, tờ bản đồ số 48; diện tích 885m^2 địa chỉ thửa đất thôn P, xã L, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc; mang tên Nguyễn Thành N; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK054053, thửa

đất số 163, tờ bản đồ số 48; diện tích 472m^2, địa chỉ thửa đất thôn P, xã L, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc mang tên Nguyễn Duy H.

Tại kết luận giám định số 473/KL-KTHS ngày 01/3/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc, kết luận:

"1. Hình dấu tròn màu đỏ có nội dung: " ★ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH T. VĨNH PHÚC" trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 và hình dấu tròn màu đỏ có nội dung " ★ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠNH TINH VĨNH PHÚC" trên mẫu cần giám định ký hiệu A2 được tạo ra bằng phương pháp in phun màu, không phải là hình dấu đóng trực tiếp".

2.1. Chữ ký đứng tên Hà Văn Q trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 là chữ ký trực tiếp, so với chữ ký đứng tên Hà Văn Q trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3 không phải do cùng một người ký ra.

2.2. Chữ ký đứng tên Hà Văn Q trên mẫu cần giám định ký hiệu A2 được tạo ra bằng phương pháp in phun màu, không phải là chữ ký trực tiếp."

Tại kết luận giám định số 474/KL-KTHS ngày 01/3/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc, kết luận:

"1. Hình dấu tròn màu đỏ có nội dung: "CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM ★ SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG★TỈNH VĨNH PHÚC" trên mẫu cần giám định ký hiệu A không phải là hình dấu đóng trực tiếp, được tạo ra bằng phương pháp in phun màu.

2. Chữ ký đứng tên Tạ Ngọc L trên mầu cần giám định ký hiệu A không phải là chữ ký trực tiếp, được tạo ra bằng phương pháp in phun màu."

Tại kết luận giám định số 1022/KL-KTHS ngày 15/4/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc, kết luận:

"- Hình dấu tròn màu đỏ trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 được tạo ra bằng phương pháp in phun màu.

- Chữ ký đứng tên Tạ Ngọc L trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 được tạo ra bằng phương pháp in phun màu".

Đối với bà Nguyễn Thị L là người cho các bị cáo Q, N, H vay tiền với lãi suất vượt quá mức cho phép theo quy định của pháp luật, hành vi của Nguyễn Thị L đã được xét xử N 2023. Do vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý trong vụ án này.

Đối với những người bán tài liệu giả cho các bị cáo Q, N và Đ: Các bị cáo Q, N và Đ đều không biết thông tin cá nhân của những người này, các bị cáo chỉ liên hệ thông qua mạng xã hội, bản thân các bị cáo không nhớ tài khoản mạng xã hội của bản thân là gì do thời gian đã lâu. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh khi nào làm rõ xử lý sau.

Hành vi của Nguyễn Văn Đ là người đưa Q và N đến nhà Bà L để vay tiền, quá trình điều tra xác định: Đ không biết việc Q, N dùng giấy tờ giả để thế chấp vay

tiền của Bà L, khi thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả thì Q, N không nói gì nên Đ không biết nên không đồng phạm với Q, N về tội sử dụng giấy tờ, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức.

Đối với hành vi Q, N, H sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để vay tiền của chị L, kết quả điều tra xác định: Q vay tiền để trả công thợ xây, N vay tiền trả lãi ngân hàng, H vay tiền để trả nợ tiền xây nhà, hàng tháng Q, N, H vẫn trả lãi cho Bà L theo thỏa thuận. Sau đó N, H đã trả hết số tiền gốc đã vay của Bà L, đối với số tiền gốc 100.000.000 đồng Bà L cho Q vay là vật chứng trong vụ án cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự (theo Bản án số 44//2023/HSST ngày 22/5/2023), phần quyết định của bán án tuyên truy thu 100.000.000 đồng này của Q để sung quỹ Nhà nước (đến nay Q chưa nộp). Q, N, H không có mục đích chiếm đoạt tiền của Bà L nên không cấu thành tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xẩy ra Q chưa bồi thường cho anh H. Anh H yêu cầu Q bồi thường cho anh H 100.000.000 đồng tiền mua thửa đất.

Tại cáo trạng số 60/CT-VKS ngày 02/8/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch truy tố Nguyễn Văn Q về tội *"Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"* theo quy định tại điểm b, d khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự và tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự; truy tố Nguyễn Thành N và Nguyễn Duy H về tội *"Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"* theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự và truy tố Nguyễn Văn Đ về tội "*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức"* quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật như Cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, d khoản 2 Điều 341 và điểm c khoản 2 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn Q, đề nghị xử phạt bị cáo Q từ 02 N 05 tháng đến 02 N 08 tháng tù về tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức; đề nghị xử phạt bị cáo Q từ 02 N 09 tháng đến 03 N tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Q phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội từ 05 N 02 tháng đến 05 N 08 tháng tù thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 10/4/2024.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 341, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thành N, đề nghị xử phạt bị cáo N từ 10 tháng đến 12 tháng tù về tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 341, điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ;

đề nghị xử phạt bị cáo Đ từ 09 tháng đến 11 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 22 tháng về tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 341, điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Duy H đề nghị xử phạt bị cáo H từ 08 tháng đến 10 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 đến 20 tháng về tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức;

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Về trách nhiện dân sự đề nghị buộc bị cáo Q bồi thường cho anh Vũ Quốc H 150.000.000 đồng.

Tại phiên tòa các bị cáo nói lời sau cùng thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, bị cáo Đ và bị cáo N đề nghị xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Lập Thạch, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người bị hại, không ai có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Trong khoảng thời gian từ tháng 7/2021 đến tháng 8/2021 Nguyễn Văn Q đã 02 lần sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức, trong đó 01 lần thực hiện hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản với tổng số tiền 150.000.000 đồng; tháng 01/2022 Nguyễn Thành N đã 01 lần sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức; tháng 8/2021 Nguyễn Duy H đã 01 lần sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức; Nguyễn Văn Đ đã 01 lần sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức, cụ thể như sau:

Ngày 15/7/2021 tại nhà ở của bà Nguyễn Thị L ở Thôn B, xã B, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, Nguyễn Văn Q sử dụng 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả không có giá trị pháp lý để thế chấp làm cho Bà L tin tưởng đó là giấy tờ thật và đồng ý cho Q vay 100.000.000 đồng để trả tiền công thợ xây. Q không có mục đích chiếm đoạt tiền của Bà L. Sau khi vay được tiền Q vẫn thực hiện nghĩa vụ trả lãi cho Bà L theo thỏa thuận.

Ngày 23/8/2021, Nguyễn Văn Q đến nhà anh Vũ Quốc H ở Thôn N, xã X, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc mục đích để lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Đến nơi Q sử dụng 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả lừa bán đất cho anh H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả trên để chiếm đoạt tiền, anh H tin tưởng đó là thật nên đã mua với giá 150.000.000 đồng. Sau khi chiếm đoạt được số tiền của anh H, Q một mình tiêu sài cá nhân hết.

Ngày 20/01/2022, tại nhà ở của bà Nguyễn Thị L ở Thôn B, xã B, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, Nguyễn Thành N sử dụng 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả không có giá trị pháp lý để thế chấp làm cho Bà L tin tưởng đó là thật và đồng ý cho N vay 20.000.000 đồng để trả tiền lãi ngân hàng. N không có mục đích chiếm đoạt tiền của Bà L. Sau khi vay được tiền N vẫn thực hiện nghĩa vụ trả lãi, gốc theo thỏa thuận.

Khoảng đầu tháng 8/2021 Nguyễn Văn Đ làm giả cho Nguyễn Duy H 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất với giá 2.500.000 đồng. Sau khi có được giấy tờ giả, đến ngày 16/8/2021 Nguyễn Duy H đến nhà bà Nguyễn Thị L ở Thôn B, xã B, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, H sử dụng 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả không có giá trị pháp lý để thế chấp làm cho Bà L tin tưởng đó là thật và đồng ý cho H vay tiền 02 lần tổng cộng là 150.000.000 đồng để trả tiền lãi ngân hàng. H không có mục đích chiếm đoạt tiền của Bà L. Sau khi vay được tiền H vẫn thực hiện nghĩa vụ trả lãi, gốc theo thỏa thuận.

Hành vi của Nguyễn Văn Q đã phạm vào tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại điểm b, d khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự và tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Hành vi của Nguyễn Thành N và Nguyễn Duy H đã phạm vào tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Hành vi của Nguyễn Văn Đ đã phạm vào tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Xét lời nhận tội của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp vật chứng của vụ án, kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc; phù hợp lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch. Như vậy có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Nguyễn Văn Q phạm tội: "Sử

dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại điểm b, d khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự và tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Điều 341 Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào ...sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ giả thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 N hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 N.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 N đến 05 N:

...

b, Phạm tội 02 lần trở lên.

d) Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng;"

Điểm c khoản 2 điều 174 Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 N hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 N.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 N đến 07 N:

... c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;"

Xét tính chất vụ án đối với tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức và tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Nguyễn Văn Q là tội phạm nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước, xâm phạm đến uy tín của cơ quan nhà nước, xâm phạm đến lợi ích của nhà nước và xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng không tốt đến tình hình trật tự trị an, an toàn xã hội, gây bất bình trong quần chúng nhân dân và cả xã hội lên án.

Đối với tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức của Nguyễn Thành N, Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Duy H là tội phạm ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước, xâm phạm đến uy tín của cơ quan nhà nước, xâm phạm đến lợi ích của nhà nước, gây ảnh hưởng không tốt đến tình hình trật tự trị an, an toàn xã hội, gây bất bình trong quần chúng nhân dân và cả xã hội lên án.

Xét nhân thân của các bị cáo Nguyễn Văn Q và Nguyễn Thành N đối chiếu với các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng trước

khi phạm tội bị cáo N đã từng bị Tòa án xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo về tội Đánh bạc, mặc dù đã được xóa án tích nhưng là người có nhân thân xấu; bị cáo Q là người có nhân thân tốt, bản thân chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu, ở cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, đó là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự các bị cáo Q và N được hưởng theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, trong vụ án này các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Do vậy Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ phần nào hình phạt cho các bị cáo còn nhất thiết phải áp dụng hình phạt tù. Có như vậy mới có tác dụng giáo dục riêng đối với các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Duy H đối chiếu với các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng các bị cáo đều là người có nhân thân tốt, bản thân chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, ở cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, đó là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo Đ và H được hưởng theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, trong vụ án này các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo H đã H thành nghĩa vụ quân sự, hàng N gia đình được công nhận là gia đình văn hóa nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiện hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Đ và H có nơi cư trú ổn định, nên Hội đồng xét xử xem xét áp dụng hình phạt tù cho các bị cáo hưởng án treo ấn định thời gian thử thách giao bị cáo Đ và H cho Uỷ ban nhân dân xã L nơi các bị cáo cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách cũng đủ điều kiện để các bị cáo cải tạo trở thành người công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội. Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Nguyễn Văn Đ nếu bị cáo không bị tạm giam về tội phạm khác.

[3] Về hình phạt bổ sung: Khoản 4 Điều 341 Bộ luật Hình sự quy định: "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng...."; Khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự quy định: "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng....". Xét thấy các bị cáo là người không có tài sản nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị cáo Q chưa bồi thường tiền lừa bán thửa đất cho anh Vũ Quốc H, tại phiên tòa anh H yêu cầu bị cáo Q phải bồi thường số tiền 150.000.000 đồng, nên cần buộc bị cáo Q phải bồi thường số tiền trên cho anh H.

[5] Về xử lý vật chứng: 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả mang tên Nguyễn Văn Q; 01 Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả mang tên Nguyễn Thành N; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên Nguyễn Duy H là tài liệu chứng minh tội phạm cần lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

Đối với hành vi Q, N, H sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để vay tiền của Bà L, hàng tháng các bị cáo trả lãi cho Bà L theo thỏa thuận. Sau đó N, H đã trả hết số tiền gốc đã vay của Bà L, đối với số tiền gốc 100.000.000 đồng Bà L cho Q vay là vật chứng trong vụ án cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo Bản án số 44/2023/HSST ngày 22/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch phần quyết định của bán án tuyên truy thu 100.000.000 đồng này của Q để sung quỹ Nhà nước là đúng pháp luật (đến nay Q chưa nộp). Q, N, H không có mục đích chiếm đoạt tiền của Bà L nên không cấu thành tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ đúng pháp luật.

Đối với bà Nguyễn Thị L là người cho các bị cáo Q, N, H vay tiền với lãi suất vượt quá mức cho phép theo quy định của pháp luật, hành vi của Nguyễn Thị L đã được xét xử tại bản án số 44/2023/ HSST ngày 22/5/2023 do vậy Cơ quan điều tra không đề cập xử lý trong vụ án này là đúng pháp luật.

Đối với những người bán tài liệu giả cho các bị can Q, N và Đ: Các bị can Q, N và Đ đều không biết thông tin cá nhân của những người này, các bị can chỉ liên hệ thông qua mạng xã hội, bản thân các bị can không nhớ tài khoản mạng xã hội của bản thân là gì do thời gian đã lâu. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh khi nào làm rõ xử lý sau là đúng pháp luật.

Hành vi của Nguyễn Văn Đ là người đưa Q và N đến nhà Bà L để vay tiền, quá trình điều tra xác định: Đ không biết việc Q, N dùng giấy tờ giả để thế chấp vay tiền của Bà L, khi thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả thì Q, N không nói gì nên Đ không biết nên không đồng phạm với Q, N về tội Sử dụng giấy tờ, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức.

[5] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo Q phải chịu 7.500.000 đồng án phí dân sự trong vụ án hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn Q phạm tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" và tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thành N và bị cáo Nguyễn Duy H phạm tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức".

Căn cứ vào điểm b, d khoản 2 Điều 341; điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Q 02 (Hai) năm 07 (Bảy) tháng tù về tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức và 02 (Hai) năm 11 (Mười một) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Văn Q phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 tội là 05 (N) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 10/4/2024.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thành N 11 (Mười một) tháng tù về tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 10/4/2024.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Đ 10 (Mười) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (Một) năm 08 (Tám) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Duy H.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Duy H 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức.

Giao bị cáo Nguyễn Văn Đ và bị cáo Nguyễn Duy H cho Uỷ ban nhân dân xã L, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 585; khoản 1 Điều 586; Điều 589; khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn Q phải bồi thường cho anh Vũ Quốc H 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng

bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc các bị cáo Nguyễn Văn Q, Nguyễn Thành N, Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Duy H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Án phí dân sự trong vụ án hình sự bị cáo Nguyễn Văn Q phải chịu 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo, người bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh phúc;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Thạch;
- Công an huyện Lập Thạch; nhà tạm giữ Công an huyện Lập Thạch; Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện Lập Thạch;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- UBND xã L;
- Các bị cáo; người bị hại;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
-UBKT Huyện ủy Lập Thạch;
- Lưu HS, bộ phận theo dõi THAHS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Công Sinh